bì mù shì

闭幕式

Noun · closing ceremony

Example Sentence

Ào yùn huì de bì mù shì fēi cháng jīng cǎi
奥运会的闭幕式非常精彩。

The closing ceremony of the Olympic Games was very spectacular.

Trace each character, then write the word on your own.

闭 闭 闭 闭 闭 闭 闭 闭 闭

幕 幕 幕 幕 幕 幕 幕 幕 幕 幕 幕

幕 幕 幕 幕 幕

式 式 式 式 式 式 式 式 式